

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2024/HS-ST
Ngày 29 - 02 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái, Ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lưu Văn N, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐM, xã VT, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán diu; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12. Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Con ông Lưu Văn Quân và bà Vi Thị Hiền. Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân:

+) Ngày 22/5/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lục Nam ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng.

+) Ngày 28/5/2021, bị Công an huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án: Bản án số 73/HSST ngày 21/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 11 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp buộc chấp hành chung 21 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2023.

Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Bà Lê Thị N, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: AV, xã VT, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Anh Trần Đăng T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã NH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà La Thị Đ, xã NH, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Anh Đặng Công L, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP Làng Chũ, TT Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn N, sinh năm 1998, trú tại thôn ĐM, xã VT, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là đối tượng có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Trong các ngày 13 và ngày 15/10/2023, N đã một mình thực hiện 02 vụ “Trộm cắp tài sản” trên địa bàn huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, N đi bộ ngang qua nhà bà Lê Thị N, sinh năm 1954 trú tại thôn AV, xã VT, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. N nhìn qua cửa kính nhà bà N thấy bên trong nhà không có người, cửa không khóa và ở phòng khách đang để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B8-065.18, nên N nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Tiếp đó, N đến đẩy cửa đi vào phòng khách gọi nhưng không thấy ai trả lời. N đi lại gần xe mô tô, thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, N dắt xe ra ngoài đường rồi đề nổ máy đi thẳng đến nhà anh Đặng Công L, sinh năm 1994 trú tại tổ dân phố Làng Chũ, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang để hỏi vay tiền. Đến nơi, N thỏa thuận vay số tiền 1.000.000 đồng và để lại xe mô tô trên làm tin, anh L đồng ý. Sau khi viết giấy vay tiền N để lại xe mô tô rồi rời khỏi nhà anh L. Sau đó N đã chi tiêu hết số tiền trên.

Ngày 16/10/2023, bà Lê Thị N làm đơn trình báo. Ngày 28/10/2023, anh Đặng Công L giao nộp: 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 13/10/2023, có chữ ký của Lưu Văn N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen

bạc, biển kiểm soát 17B8-065.18.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B8-065.18 đăng ký lần đầu năm 2014, có trị giá 6.800.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ ngày 14/10/2023, N đi bộ vào ký túc xá của Công ty VJK Group ở tổ dân phố Nhiêu Hà, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngủ (do trước đó N từng làm công nhân tại đây). Đến khoảng 10 giờ ngày 15/10/2023, N ngủ dậy đi ra ngoài cửa nhìn thấy trong khu nhà để xe của công ty có để chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, biển kiểm soát 98B2-410.25 là tài sản của anh Trần Đăng T, sinh năm 1995 trú tại thôn Đảng, xã Nghĩa Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (là công nhân công ty). N đi ra chỗ để xe thấy không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mang đi bán lấy tiền. N đi vào phòng cạnh nhà xe thấy trong phòng có 01 túi da để trên giường. N vào mở túi ra kiểm tra thấy trong túi có 01 chìa khóa xe mô tô. N lấy chìa khóa ra cắm vào ổ khóa điện xe mô tô thì mở được khóa điện. N nổ máy rồi điều khiển xe mô tô đến nhà bà La Thị Đ, xã NH, sinh năm 1965 trú tại thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang thỏa thuận để lại xe làm tin hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng, bà Đ, xã NH đồng ý. Đến chiều ngày 16/11/2023, khi N đang ngồi chơi tại quán nước ở thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn thì gặp anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 trú tại thôn Thủ Dương, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Qua nói chuyện N biết anh L đang có nhu cầu mua xe mô tô nên N thỏa thuận bán cho anh L chiếc xe mô tô N đang để ở nhà bà Đ, xã NH với giá 2.200.000 đồng. Sau đó N đến nhà bà Đ, xã NH chuộc xe đem về bán cho anh L, khi giao xe N viết giấy chuyển nhượng xe cho anh L, anh L nhận xe rồi trả tiền cho N. Sau khi bán xe N đã chi tiêu hết số tiền trên.

Ngày 16/10/2023, anh Trần Đăng T làm đơn trình báo. Ngày 28/10/2023 anh Nguyễn Văn L giáp nộp: 01 giấy chuyển nhượng xe mô tô 98B2-410.25 đề ngày 17/11/2023; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu trắng, BKS 98B2-410.25. Cùng ngày, Lưu Văn N đến đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 03/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Vission màu trắng, biển kiểm sát 98B2-410.25 mua mới năm 2015, có trị giá 14.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã T hành trích xuất dữ liệu từ camera an ninh tại nhà bà N và tại Công ty VJK Group ghi lại diễn biến vụ việc và T hành trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số 2595/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép hình ảnh trong 05 file video được lưu giữ trong 02 đĩa DVD-R gửi giám định, trích xuất được 18 hình ảnh thể hiện diễn biến sự việc có trong các file video gửi giám định. Cơ quan điều tra đã T hành cho N xem lại hình ảnh video được trích xuất từ camera nhà bà N và tại Công ty VJK Group, kết quả N xác định người trong đoạn video thực hiện 02 vụ trộm cắp chính là N.

Cơ quan điều tra đã T hành cho N chỉ vị trí thực hiện hành vi trộm cắp, vị trí tiêu thu tài sản trộm cắp ngày 13/10/2023 và ngày 15/10/2023, kết quả N xác định và chỉ đúng vị trí phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng có trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Đặng Công L, anh Nguyễn Văn L quá trình điều tra xác định anh L, anh L không biết xe mô tô N bán cho là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 17B8-065.18; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98B2-410.25 (có đặc điểm nêu trên) cho cho bà N, anh T. Bà N, anh T không có yêu cầu bồi thường gì khác; còn 01 giấy biên nhận vay tiền và 01 giấy bán xe do anh L, anh L giao nộp được lưu trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Công L yêu cầu N bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn L yêu cầu N bồi thường số tiền 2.200.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Lưu Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố đúng người, đúng tội, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt mức án thấp nhất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 điều 173 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Văn N từ 18 - 24 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/10/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N bồi thường cho anh Đặng Công L số tiền 1.000.000 đồng. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L yêu cầu số tiền 2.200.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

3. Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 13 và ngày 15/10/2023, Lưu Văn N đã thực hiện 02 vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Lục Nam, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/10/2023, N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 17B8-065.18, có trị giá 6.800.000 đồng của bà Lê Thị N, sinh năm 1954 trú tại thôn AV, xã VT, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ ngày 15/10/2023, N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vission màu trắng, biển kiểm soát 98B2-410.25, có trị giá 14.800.000 đồng của anh Trần Đăng T, sinh năm 1995 trú tại thôn Đảng, xã Nghĩa Hà, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Tổng giá trị tài sản N trộm cắp là 21.600.000 đồng. Tài sản đã thu được và trả lại cho bị hại.

Như vậy, hành vi của Lưu Văn N đủ yếu tố cấu thành của tội Trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Việc các bị cáo bị truy tố, xét xử ngày hôm nay với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

4. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng

nhân dân. Bị cáo không có ý thức phấn đấu, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản nhằm phục vụ cho bản thân. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

5. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 2 tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội 2 lần.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Sau khi phạm tội bị cáo N khẩn khai báo ăn năn hối cải các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai nên bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy việc quyết tâm phạm tội của bị cáo do vậy cần phải xử nghiêm đối với bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên HĐXX thấy không cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự để phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về mức án mà vị đại diện VKSND huyện Lục Nam đề nghị áp dụng, tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

6. Về vật chứng: Đã trả lại các bị hại nên HĐXX không xem xét.

7. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo N bồi thường cho anh Đặng Công L số tiền 1.000.000 đồng đã vay và để chiếc xe trộm cấp lại để làm tin. Bồi thường cho anh Nguyễn Văn L yêu cầu số tiền 2.200.000 đồng anh L đã mua chiếc xe N đã trộm cắp.

Trong vụ án này đối với anh Đặng Công L, anh Nguyễn Văn L quá trình điều tra xác định anh L, anh L không biết xe mô tô N bán cho là tài sản do trộm cắp mà có nên HĐXX không xử lý.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, h

điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lưu Văn N 02 (Hai) năm tù, về tội “ Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/10/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo N bồi thường cho anh Đặng Công L số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Văn L yêu cầu số tiền 2.200.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, buộc bị cáo Lưu Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự

Lục Nam, ngày 22 tháng 6 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hữu Thái, ông Nguyễn T Chính.

Căn cứ vào Điều 199 và 222 của Bộ luật tố tụng hình sự; Vào hồi giờ phút ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã T hành nghị án đối với vụ án Vi Văn Dương cùng đồng phạm bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Xử phạt bị cáo Vi Văn Dương, Trần Văn Vũ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vi Văn Dương 09 tháng tù, về tội “ Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/3/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Vũ 07 tháng tù, về tội “ Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/3/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo THA.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội, buộc các bị cáo Vi Văn Dương, Trần Văn Vũ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai./.

Kết quả biểu quyết 03/03 = 100%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn T Chính

Nguyễn Thị Lự